KẾT NỐI TRI THỨC | NGỮ VĂN

CHÌA KHÓA VĂN CHƯƠNG 11

Bồi dưỡng học sinh giỏi Ngữ văn lớp 11

BẢN ĐỌC THỬ

Trích từ Tập 1 và Tập 2

Tập 1. Lí luận văn học qua tác phẩm

Tập 2. Kĩ năng làm bài và đề tổng hợp

Bản đọc thử gồm giới thiệu, mục lục và các phần trích tiêu biểu

Theo sách giáo khoa Ngữ văn 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

TÀI LIỆU NGỮ VĂN THCS & THPT
KẾT NỐI TRI THỨC
Zalo: 0328.961.617
facebook.com/Nguvantrunghoc

MỤC LỤC

BẢN ĐỌC THỬ **3**

Về bộ sách 3

Hai điểm đặc sắc của bộ sách 5

Mục lục đầy đủ hai tập 7

ĐỌC THỬ TẬP 1 ..... **11**

Trích Chương 1. Nhân vật và hai giá trị: hiện thực, nhân đạo 11

Đề thực hành 4.2. "Bài ca ngất ngưởng" có làm lung lay lời Hoài Thanh? 14

ĐỌC THỬ TẬP 2 ..... **23**

Trích Chương 11. Nghị luận văn học bàn về một nhận định: sáu bước từ đề đến bài 23

Đề tổng hợp 2. Đọc gì giữa dòng trôi, và một người chờ được kể qua mắt người khác 27

Trích Phụ lục 39

Bộ sách đầy đủ 42

BẢN ĐỌC THỬ

Chìa khóa văn chương 11

Về bộ sách

"Chìa khóa văn chương 11" là bộ tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi Ngữ văn lớp 11, viết theo sách giáo khoa Ngữ văn 11, bộ "Kết nối tri thức với cuộc sống". Bộ sách đi theo một con đường rõ ràng: học lí luận văn học qua chính những tác phẩm học sinh đã học trên lớp, rồi luyện kĩ năng làm bài cho tới khi viết được một bài thi trọn vẹn trong một trăm tám mươi phút.

Tập	Nội dung	Quy mô
Tập 1. Lí luận văn học qua tác phẩm	Mở đầu và bài chẩn đoán đầu vào; tám chương lí luận gắn với chín bài trong sách giáo khoa Ngữ văn 11	25 đề thực hành trọn vẹn; 303 trang
Tập 2. Kĩ năng làm bài và đề tổng hợp	Bốn chương kĩ năng (đọc hiểu, nghị luận xã hội, nghị luận văn học, so sánh); bộ bài tập Cấp 1; bốn đề tổng hợp thang 20; sáu phụ lục	120 trang

Dành cho ai

- Học sinh đội tuyển lớp 11, và học sinh khá muốn bứt lên mức giỏi.

- Thầy cô bồi dưỡng đội tuyển: mỗi chương dùng được cho hai đến bốn buổi dạy; đề thực hành và đề tổng hợp có hướng dẫn chấm, mô tả các mức để chữa bài.

Ba nguyên tắc viết

- **Đúng đến từng chữ.** Mọi câu trích từ tác phẩm trong chương trình đều được đối chiếu với sách giáo khoa và ghi số trang. Nhận định nào chưa tìm được bản in để đối chiếu thì ghi rõ "theo bản dẫn" hoặc chỉ diễn ý.

- **Sâu mà dễ hiểu.** Mỗi vấn đề lí luận bắt đầu từ một lỗi có thật trong bài làm, được giải thích bằng lời giản dị và ví dụ từ chính những tác phẩm học sinh đã học.

- **Sát với bài thi.** Mỗi đề có phần đọc đề, dàn ý, hướng dẫn chấm theo khung 12 điểm (hoặc 8 điểm với câu nghị luận xã hội), bài viết tham khảo và những lỗi hay gặp.

Trong bản đọc thử

- Hai điểm đặc sắc của bộ sách, kèm mục lục đầy đủ hai tập.

- Trích Tập 1: phần mở đầu và một bước kiến thức của Chương 1; trọn vẹn Đề thực hành 4.2.

- Trích Tập 2: phần đầu Chương 11; Đề tổng hợp 2 với câu nghị luận văn học đầy đủ; trích Phụ lục.

Hai điểm đặc sắc của bộ sách

Thứ nhất: đọc một nhận định đến tận cùng phạm vi của nó

Nhiều tài liệu ôn thi coi nhận định là thứ chỉ cần "chứng minh là đúng". Bộ sách dạy học sinh đọc nhận định như một lập luận có phạm vi: tách vế, khoanh từ khóa, hỏi xem người viết khẳng định điều gì và không khẳng định điều gì. Khi gặp một tác phẩm có vẻ đi ngược nhận định, học sinh không vội lật đổ, cũng không vội gạt đi.

Đề thực hành 4.2 in trọn trong bản đọc thử này là một ví dụ. Đề hỏi: "Bài ca ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ có bác bỏ được lời Hoài Thanh "Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*" không? Bài làm trung bình đồng ý rằng bài thơ bác bỏ Hoài Thanh. Bài làm khá bênh Hoài Thanh tuyệt đối. Bài làm giỏi thấy bài thơ làm rõ nhận định: Nguyễn Công Trứ không xưng "tôi" mà xưng "ông", trình diễn mình như một vai trước thiên hạ, chứ chưa giãi bày cái tôi riêng. Cá tính và ý thức cá nhân là hai chuyện khác nhau.

Đi cùng cách đọc ấy là một ngân hàng nhận định có ghi rõ mức chắc chắn của câu chữ (nguyên văn, theo bản dẫn, diễn ý), và một danh sách những câu lưu hành rộng nhưng cần thận trọng khi trích. Học sinh không mất điểm vì trích sai một chữ, và biết khi nào chỉ nên diễn ý.

Thứ hai: ngữ liệu mới, và kĩ thuật đọc ra điều văn bản không nói

Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa trong cả hai tập đều có nguồn kiểm chứng được, phần lớn là thơ, truyện, tản văn đăng trên Báo Văn nghệ, Báo Nhân Dân năm 2026. Đó là những văn bản chưa có bài phân tích mẫu nào để học thuộc; học sinh buộc phải đọc bằng chính con mắt của mình.

Đề tổng hợp 2 trong bản đọc thử dùng phần 2 truyện ngắn "Những đêm không ngủ" (Trịnh Hòa Bình, Báo Văn nghệ số 42/2026). Một người đàn bà chờ người yêu đã hi sinh gần năm mươi năm, được kể lại qua lời bà hàng xóm, người không biết vì sao cô ấy chờ. Phần hướng dẫn chỉ ra chỗ phân hóa của đề: những chi tiết người kể

nhắc tới một cách vô tình, bông hồng trên cây đàn không ai chơi, bộ đồ sơ sinh màu hồng mang sang mừng đầy tháng, lại là chỗ đau nhất đối với người đọc. Học sinh học được rằng điểm nhìn không chỉ là chỗ đứng, mà còn là tâm lí, hệ giá trị của người kể; và khoảng cách giữa điều người kể biết với điều người đọc biết chính là nơi văn chương cất lời.

Mục lục đầy đủ hai tập

Số trang ghi theo bản đầy đủ của từng tập.

Tập 1. Lí luận văn học qua tác phẩm

Phần, chương, đề	Trang
MỞ ĐẦU	4
Lời nói đầu	4
Cách dùng cuốn sách	6
Học sinh giỏi lớp 11 cần đạt tới đâu	8
Đề thi học sinh giỏi và cách chấm	10
Bài chẩn đoán đầu vào	14
PHẦN MỘT	18
Chương 1. Nhân vật và hai giá trị: hiện thực, nhân đạo	18
Đề thực hành 1.1. "Tư cách mõ" và "Chí Phèo": cố tìm mà hiểu con người	33
Đề thực hành 1.2. "Vợ nhặt": vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi	46
Đề thực hành 1.3. "Bát phở": những người cha không tên	54
Chương 2. Câu chuyện, điểm nhìn và lời kể trong truyện	62
Đề thực hành 2.1. "Anh Hai": người kể chuyện biết đứng về phía ai	77
Đề thực hành 2.2. Đoạn kết "Chí Phèo": những chi tiết dồn nén	86
Đề thực hành 2.3. "Một cơn giận": cái tôi kể lại và cái tôi năm xưa	93
Chương 3. Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình	99
Đề thực hành 3.1. "Xin neo lại": một chữ làm rường cột	111
Đề thực hành 3.2. "Tràng giang" dưới ánh sáng của Hoài Thanh	120
Đề thực hành 3.3. "Nhớ đồng": khi một hình ảnh có nhiều tầng nghĩa	127
Chương 4. Văn nghị luận: lập luận, giọng điệu và người đọc	135
Đề thực hành 4.1. Người có tài và nơi dùng người tài	149

Phần, chương, đề	Trang
Đề thực hành 4.2. "Bài ca ngất ngưởng" có làm lung lay lời Hoài Thanh?	157
Đề thực hành 4.3. "Di vật của mẹ": cánh cửa hé mở và giới hạn của người đọc	166
Chương 5. Khi thơ kể chuyện: truyện thơ dân gian và yếu tố tự sự trong thơ trữ tình	174
Đề thực hành 5.1. "Gặp ông Đồng Đức Bốn": một cuộc gặp kể vừa đủ	183
Đề thực hành 5.2. Hai tiếng nói từ núi rừng: "Lời tiễn dặn" và "Nàng Ờm nhắn nhủ"	191
Đề thực hành 5.3. "Dương phụ hành": hai con mắt của một người kể	197
Chương 6. Bi kịch: khi con người cao đẹp đi vào ngõ cụt	203
Đề thực hành 6.1. Gọi tên một xung đột: "Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"	212
Đề thực hành 6.2. "Cùng một bệnh với Đan Thiềm": thái độ của người viết bi kịch	220
Đề thực hành 6.3. Giấc mơ lớn và cái giá của người khác	226
Chương 7. Nguyễn Du: đọc một tác gia lớn	232
Đề thực hành 7.1. Từ thương mình đến thương đời: một đề về tác gia	245
Đề thực hành 7.2. Một nhân vật không thể "vo tròn": Thúy Kiều trong "Trao duyên"	251
Đề thực hành 7.3. "Người nào sẽ khóc Tố Như?": khát vọng được thấu hiểu	257
Chương 8. Văn chương đứng trên một sự thật: kí, thơ hát nói và văn tế	262
Đề thực hành 8.1. "Cụ già đầu ngõ": khi một tản văn biến chữ "thừa" thành chữ "quý"	273
Đề thực hành 8.2. "Ai đã đặt tên cho dòng sông?": một người con gái, nhiều tầng văn bản	282

Phần, chương, đề	Trang
Đề thực hành 8.3. "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc": hai nửa của chữ "bi tráng"	290
Đề thực hành 8.4. "Khen chê phơi phới ngọn đông phong": đứng vững giữa khen và chê	297

Tập 2. Kĩ năng làm bài và đề tổng hợp

Phần, chương, đề	Trang
TẬP 2	3
Lời dẫn	3
PHẦN HAI	5
Chương 9. Đọc hiểu nâng cao: đọc chậm, trả lời trúng	5
Chương 10. Nghị luận xã hội: từ bài văn đúng đến bài văn có người viết	15
Chương 11. Nghị luận văn học bàn về một nhận định: sáu bước từ đề đến bài	23
Chương 12. So sánh hai tác phẩm: đặt cạnh nhau để thấy rõ từng cái	31
Bộ bài tập Cấp 1: tám thao tác nền	37
PHẦN BA	43
Trước khi vào bốn đề	43
Đề tổng hợp 1. Bị điều khiển từ xa, và những tầng nghĩa của một chiếc bánh	45
Đề tổng hợp 2. Đọc gì giữa dòng trôi, và một người chờ được kể qua mắt người khác	59
Đề tổng hợp 3. Để máy nghĩ hộ, và bài thơ đứng giữa cái thật và cái vượt lên	74
Đề tổng hợp 4. Tấm bằng và đôi tay, và hai người đàn bà trong kí ức tuổi thơ	87

Phần, chương, đề	**Trang**
PHỤ LỤC	104
Phụ lục 1. Ngân hàng nhận định khối 11	104
Phụ lục 2. Barem các dạng câu	110
Phụ lục 3. Những cặp khái niệm dễ nhầm	113
Phụ lục 4. Bảng lỗi thường gặp	115
Phụ lục 5. Lộ trình ôn tập mười sáu tuần	117
Phụ lục 6. Tài liệu và nguồn ngữ liệu	119

ĐỌC THỬ TẬP 1

Lí luận văn học qua tác phẩm

Trích Chương 1. Nhân vật và hai giá trị: hiện thực, nhân đạo

Mục	Nội dung
Tác phẩm neo	"Vợ nhặt" (Kim Lân), "Chí Phèo" (Nam Cao), Ngữ văn 11 tập một, Bài 1, tr.12 đến 35
Nhận định trọng điểm	BC-01, BC-02, NV-02, NV-07, NV-08, NV-09
Thời lượng gợi ý	Hai buổi, mỗi buổi 90 phút

Sau chương này, các em làm được ba việc:

- Gọi đúng tên một nhân vật bằng ba câu hỏi, thay vì chỉ nói "nhân vật chính".

- Giải thích vì sao Chí Phèo là nhân vật điển hình và chỉ ra hoàn cảnh điển hình đã tạo nên hắn.

- Chỉ ra giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo cùng có mặt trong một chi tiết.

Lỗi gặp nhiều nhất

Rất nhiều bài viết mở đoạn bằng câu: "Chí Phèo là nhân vật chính diện, đại diện cho người nông dân lương thiện." Câu này sai hai lần. Chí Phèo đã từng rạch mặt ăn vạ, đâm chém người, nên không thể xếp vào ô "chính diện". Và cái làm nên Chí Phèo không phải là sự lương thiện, mà là bi kịch của một người lương thiện bị tước mất quyền làm người.

Một lỗi khác còn phổ biến hơn. Bài viết chia thân bài thành hai phần, "giá trị hiện thực" và "giá trị nhân đạo", rồi ở phần sau dùng lại gần hết những chi tiết đã phân tích ở phần trước. Người chấm đọc thấy bài dài, nhưng không thấy bài sâu.

Chương này giúp các em sửa cả hai lỗi ấy.

Kiến thức cốt lõi (trích)

Bước 3. Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và chi tiết hội tụ

Hai giá trị này trả lời hai câu hỏi khác nhau.

- **Giá trị hiện thực trả lời câu hỏi: đời sống của một thời hiện ra thế nào?** Đó là khả năng tác phẩm phản ánh đúng và sâu bản chất của hiện thực. Giá trị hiện thực không có nghĩa là tác phẩm kể đúng như đã xảy ra ngoài đời; truyện có thể hoàn toàn hư cấu mà vẫn rất giàu giá trị hiện thực. Với "Vợ nhặt", hiện thực ấy là nạn đói năm 1945: "Người chết như ngả rạ" (tr.12).

- **Giá trị nhân đạo trả lời câu hỏi: nhà văn nhìn con người bằng tấm lòng nào?** Có hai hướng. Hướng thứ nhất là cảm thông và bênh vực: xót thương nỗi đau, tố cáo những gì chà đạp con người, đòi quyền sống cho họ. Hướng thứ hai là phát hiện và khẳng định: nhìn ra vẻ đẹp ẩn trong những con người bé nhỏ, tin vào khả năng vươn dậy của họ.

Ghi nhớ: hiện thực là bức tranh đời sống, nhân đạo là tấm lòng nhà văn trước bức tranh ấy. Hai giá trị không tách rời; chúng gặp nhau ở những chi tiết "hội tụ".

Thế nào là chi tiết hội tụ? Là chi tiết mà khi phân tích, các em chỉ ra được cùng lúc cả hai mặt. Hai ví dụ trong sách giáo khoa:

Chi tiết	Mặt hiện thực	Mặt nhân đạo
Bát cháo hành ("Chí Phèo", tr.27 đến 29)	Chưa ai từng cho hắn cái gì: "lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho" (tr.28), vì xưa nay hắn chỉ biết "doạ nạt hay là giật cướp"	Nam Cao tìm ra phần người bị lấp dưới con quỷ dữ: "Hắn thấy lòng thành trẻ con"; đó là "cái bản tính của hắn, ngày thường bị lấp đi" (tr.29)

Chi tiết	Mặt hiện thực	Mặt nhân đạo
Nồi chè khoán ("Vợ nhặt", tr.20, 21)	Bữa cơm ngày đói chỉ có "một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo" (tr.20); nồi chè khoán thật ra là cám: "Cám đấy mày ạ"	Bà cụ Tứ nói toàn chuyện vui để nâng các con, rồi "ngoảnh vội ra ngoài", vì "không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc" (tr.21)

Viết theo chi tiết hội tụ, bài văn của các em sẽ không còn hai nửa rời nhau, và không phải phân tích một chi tiết hai lần.

Lỗi cần tránh: trong đoạn trích "Vợ nhặt" của sách giáo khoa không có cụm từ "cháo cám". Bữa cơm có "cháo"; món bà cụ bưng ra là "chè khoán", và bà nói "Cám đấy mày ạ". Nhiều tài liệu ôn thi chép "nồi cháo cám"; trích đúng từng chữ là một cách ăn điểm.

Ghi nhớ: hai cặp khái niệm hay bị lẫn khi bàn về giá trị tác phẩm. Đề tài là phạm vi đời sống được viết tới; chủ đề là vấn đề trung tâm nổi lên từ phạm vi ấy. "Chí Phèo" và "Vợ nhặt" cùng đề tài người nông dân nghèo trước Cách mạng, nhưng chủ đề khác nhau: một bên là con người bị cướp mất quyền làm người, một bên là tình người và khát vọng sống giữa nạn đói. Tương tự, thông điệp là điều tác phẩm gửi gắm; bài học là điều người đọc rút ra cho chính mình.

Đề thực hành 4.2. "Bài ca ngất ngưởng" có làm lung lay lời Hoài Thanh?

Đề bài (12,0 điểm)

Trong "Một thời đại trong thi ca", Hoài Thanh viết:

"Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*. [...] Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện. Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thảng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu táo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi* để nói chuyện với mình, hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người [...]." (Ngữ văn 11, tập một, tr.86)

Đọc bài hát nói sau:

Bài ca ngất ngưởng

Vũ trụ nội mạc phi phận sự,
Ông Hy Văn tài bộ đã vào lồng.
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng.
Lúc bình Tây cầm cờ đại tướng,
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.
Đô môn giải tổ chi niên,
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng.
Kìa núi nọ phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.
Được mất dương dương người tái thượng,
Khen chê phơi phới ngọn đông phong.
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,

Không Phật, không tiên, không vướng tục.

Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú,

Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.

Đời ai ngất ngưởng như ông!

(Nguyễn Công Trứ, theo "Thơ văn Nguyễn Công Trứ", NXB Văn hoá, Hà Nội, 1958, tr.156, có chỉnh lí của người biên soạn sách giáo khoa; Ngữ văn 11, tập hai, tr.95, 96)

Chú thích (theo sách giáo khoa, rút gọn):

- "Vũ trụ nội mạc phi phận sự": mọi sự, mọi việc trong vũ trụ không có gì không thuộc phận sự của ta.

- "Tài bộ": tài chí, tài năng được bộc lộ thành phong cách. "Vào lồng": vào guồng máy quan trường; cũng có thể hiểu là mắc vào vòng trói buộc của công danh.

- "Đô môn giải tổ chi niên": năm 1848, tại kinh đô, cởi dây đeo ấn (trả lại chức quan) để về quê.

- "Đạc ngựa bò vàng": lúc về hưu, Nguyễn Công Trứ thường cưỡi con bò vàng nhưng vẫn đeo đạc (nhạc) ngựa.

- "Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì": đi chơi chùa, dạo cảnh tiên nhưng vẫn đem theo các cô hầu.

- "Người tái thượng": ông già ở biên ải, dẫn điển "Tái ông thất mã"; ý nói được mất là lẽ thường.

- "Trái, Nhạc, Hàn, Phú": Trái Tuân, Nhạc Phi là những bậc tướng tài; Hàn Kỳ, Phú Bật vừa là nhà chính trị vừa là văn sĩ (Trung Hoa thời xưa).

- "Đạo sơ chung": đạo nghĩa có đầu có cuối, ý nói giữ lòng trung.

Có ý kiến cho rằng "Bài ca ngất ngưởng" là một bằng chứng bác bỏ nhận định của Hoài Thanh. Bằng việc phân tích bài hát nói trên, anh/chị hãy trình bày quan điểm của mình về vấn đề này.

Đề này thật ra hỏi gì

Đây là kiểu đề học sinh giỏi rất ưa: không bảo các em chứng minh một nhận định, mà đưa ra một trường hợp có vẻ ngược với nhận định, rồi hỏi các em nghĩ sao. Người ra đề muốn biết ba điều:

1. Các em có đọc nhận định đủ kĩ để thấy phạm vi thật của nó không? Hoài Thanh không nói người xưa không có cá tính. Ông nói họ không dùng chữ "tôi" để "nói chuyện với mình".

2. Các em có phân tích được bài thơ tới chỗ cách xưng hô, cách nhìn mình, không chỉ dừng ở chỗ "nhà thơ có cá tính mạnh"?

3. Các em có biết xử lí một ngoại lệ không? Chính Hoài Thanh đã cho công cụ: "muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể." (tr.86)

Ba cách trả lời, ba tầm bài làm

Cách trả lời	Bài làm trông thế nào	Tầm bài
Đồng ý với ý kiến: bài thơ bác bỏ Hoài Thanh	Liệt kê biểu hiện ngất ngưởng, kết luận người xưa đã có cái tôi	Trung bình: đọc nhận định quá nhanh
Bác bỏ ý kiến, bênh Hoài Thanh tuyệt đối	Nói bài thơ vẫn là chữ "ta", gạt bỏ mọi nét cá tính	Khá: đúng hướng nhưng phẳng, bỏ qua cái mới thật của bài thơ
Bài thơ làm rõ và tinh chỉnh nhận định	Thấy cá tính rất mạnh, nhưng chỉ ra đó là cá tính nhìn từ bên ngoài, vẫn đứng trong khuôn đạo lí; phân biệt cá tính với ý thức cá nhân	Giỏi: dùng chính bài thơ để hiểu Hoài Thanh sâu hơn

Dàn ý đáp án

Giải thích (1,0 điểm)

- Chữ "ta": con người trong thơ cũ gắn với cộng đồng, với đạo lí chung; khi nói về mình, nhà thơ "không tự xưng" hoặc "ẩn mình sau chữ *ta*, một chữ có thể chỉ chung nhiều người" (tr.86).

- Chữ "tôi": ý thức cá nhân "với cái nghĩa tuyệt đối của nó" (tr.86), con người tự coi thế giới riêng của mình là đối tượng đáng nói.

- Trọng tâm câu trích: phân biệt "nói chuyện với người khác" (với một người đối thoại cụ thể, dù là nói về mình) và "nói chuyện với mình, hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người". Với Hoài Thanh, giãi bày mình trước mọi người cũng chính là nói chuyện với mình: coi thế giới riêng là đối tượng của thơ. Hoài Thanh thừa nhận người xưa có "những bậc kì tài", có khi ghi hình ảnh mình trong văn thơ.

- Ý kiến cần bàn: "Bài ca ngất ngưởng" bác bỏ nhận định, vì Nguyễn Công Trứ nói về mình rất nhiều, rất tự tin.

Cơ sở lí luận (1,5 điểm)

TÀI LIỆU NGỮ VĂN THCS & THPT
KẾT NỐI TRI THỨC
Zalo: 0328 961 617
facebook.com/Nguvantrunghoc

- Cái tôi trữ tình có lịch sử: nó thay đổi theo quan niệm về con người của mỗi thời. Con người trong văn học trung đại chủ yếu là con người của bổn phận, đo mình bằng chuẩn mực chung; con người của Thơ mới đo mình bằng cảm xúc riêng.

- Cần phân biệt **cá tính** (nét riêng nổi bật của một người, thời nào cũng có) với **ý thức cá nhân** (coi cái riêng là giá trị tự thân, đáng được nói ra như trung tâm của thế giới). Thời trung đại có nhiều cá tính lớn; ý thức cá nhân theo nghĩa hiện đại thì chưa thành xu thế.

- Một nhận định khái quát về thời đại đúng ở "đại thể"; ngoại lệ chỉ bác bỏ nó khi chứng minh được rằng ngoại lệ ấy có cùng bản chất với điều nhận định phủ nhận.

Phân tích, chứng minh (5,0 điểm)

Luận điểm 1. Vì sao bài thơ có vẻ bác bỏ Hoài Thanh (1,0 điểm).

- Bài thơ là một bản tự thuật: liệt kê hành trạng "Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông", "Lúc bình Tây cầm cờ đại tướng".

- Chữ "ngất ngưởng" trở lại bốn lần, mỗi lần gắn với một chặng đời: làm quan ("nên tay ngất ngưởng"), về hưu ("Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng"), đi chơi chùa ("Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng"), và tổng kết ("Đời ai ngất ngưởng như ông!").

- Những hành vi phá cách: cưỡi bò mà đeo đạc ngựa, lên chùa mang theo "một đôi dì", coi khen chê như gió thoảng. Một con người dám khác người, dám tự khen mình. Ý kiến trong đề có cơ sở.

Luận điểm 2. Nhưng đó là cái tôi trình diễn mình, không phải cái tôi giãi bày mình (1,5 điểm).

- Bài thơ không có chữ "tôi". Nhà thơ tự gọi mình là "Ông Hy Văn", rồi "ông": ngôi thứ ba, bằng biệt hiệu. Ông nhìn mình từ bên ngoài, như ngắm một nhân vật đang được người đời nhìn vào.

- Sự ngất ngưởng luôn cần người xem: "Bụt cũng nực cười", "Khen chê", "Đời ai ngất ngưởng như ông!". Câu kết là lời tuyên bố về một vai đời trước thiên hạ, không phải lời giãi bày một nỗi riêng.

- Trong bài không có cõi riêng tư, không có nỗi cô đơn, không có câu hỏi "ta là ai". Đối chiếu với Thơ mới mà Hoài Thanh mô tả, nơi "Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta" (tr.87), các em thấy ngay khác biệt: Nguyễn Công Trứ hướng ra ngoài, cái tôi Thơ mới hướng vào trong.

- Hoài Thanh nói người xưa không dám dùng chữ "tôi" để nói chuyện với mình, "hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người". Nguyễn Công Trứ có hướng lời ra thiên hạ, nhưng không bằng chữ "tôi" mà bằng một vai, "ông", đứng trước mọi người để được nhìn ngắm. Ông trình diễn mình chứ không giãi bày mình.

Luận điểm 3. Cá tính đứng trong khuôn đạo lí (1,5 điểm).

- Câu mở đầu: "Vũ trụ nội mạc phi phận sự", mọi việc trong vũ trụ đều là phận sự của ta. Con người tự định nghĩa mình bằng phận sự, tức là bằng trách nhiệm với thế giới.

- Nhà thơ đo mình bằng những tấm gương người xưa: "Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú". Thước đo không phải cảm xúc riêng mà là khuôn mẫu chung của nhà nho.

- Câu trước câu kết: "Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung". Sau bao nhiêu phá cách, ông khẳng định mình vẫn trọn đạo trung. Ngất ngưởng, nhưng ngất ngưởng trong vòng của chữ "ta".

- Chính Hoài Thanh đã nhắc tới Nguyễn Công Trứ, người "chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui" (tr.87), để đối lập với cái khổ sở của Xuân Diệu. Ông còn viết người thời trước "vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch" (tr.87). Sự tự tin của Nguyễn Công Trứ đến từ chỗ dựa ấy. Cái "cốt cách hiên ngang ngày trước" mà Hoài Thanh nói Thơ mới đã mất (tr.87) chính là cái các em đang thấy trong "Bài ca ngất ngưởng".

Luận điểm 4. Một mầm mới trong lòng cái cũ (1,0 điểm).

- Không nên vì thế mà coi bài thơ là "chữ ta" thuần túy. Thể hát nói, theo sách giáo khoa, có hình thức "tương đối đa dạng, tự do" và "thường được các nhà thơ có phong cách tài hoa, tài tử ưa dùng để biểu đạt tư tưởng, tâm hồn phóng túng" (Ngữ văn 11, tập hai, tr.97). Việc một nhà nho tự kể đời mình, tự khen mình, coi nhẹ khen chê là một bước rất xa so với lối "không tự xưng".

- Hoài Thanh đã có câu cho trường hợp này: "Hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ." (tr.86) "Bài ca ngất ngưởng" thuộc cái "hôm qua" trong đó "hôm nay" đã bắt đầu phôi thai.

- Kết luận: bài thơ không bác bỏ mà làm rõ nhận định. Nó cho thấy ranh giới mà Hoài Thanh vạch ra không nằm giữa có cá tính và không có cá tính, mà nằm giữa trình diễn mình như một vai trước người đời và giãi bày cái tôi riêng như một thế giới đáng nói.

Bàn luận, mở rộng (1,5 điểm)

- Giá trị của nhận định: lược đồ "ta" và "tôi" giúp nhìn ra hướng vận động lớn của thơ Việt Nam từ trung đại sang hiện đại; câu trích cho thấy Hoài Thanh là người cẩn trọng, tự giới hạn khẳng định của mình.

- Giới hạn: hai chữ "ta", "tôi" khái quát rất cao, dễ bị dùng máy móc thành chiếc nhãn dán lên mọi tác phẩm. Câu "Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân" (tr.86), nếu tách khỏi đoạn văn, nghe có phần tuyệt đối.

- Bài học cho người đọc: đọc một nhận định phải đọc tới phạm vi của nó; gặp một ngoại lệ, đừng vội lật đổ, cũng đừng vội gạt đi. Hãy hỏi ngoại lệ ấy giống và khác điều nhận định nói ở đâu.

Biểu điểm

Mục	Điểm	Ghi chú
a. Cấu trúc	0,5	
b. Xác định vấn đề	0,5	Phải nêu được câu hỏi: bài thơ bác bỏ hay làm rõ nhận định
c1. Giải thích	1,0	Có ý "nói chuyện với người khác" và "nói chuyện với mình, hay... với tất cả mọi người" mới cho trọn
c2. Cơ sở lí luận	1,5	Phân biệt cá tính và ý thức cá nhân: 0,75
c3. Phân tích, chứng minh	5,0	Bài chỉ có luận điểm 1: tối đa 1,5. Có luận điểm 1 và một trong hai luận điểm 2, 3: từ 2,0 đến 3,5. Đủ luận điểm 2 và 3: từ 3,75 trở lên

Mục	Điểm	Ghi chú
c4. Bàn luận	1,5	
d. Chính tả, ngữ pháp	0,5	
e. Sáng tạo	1,5	Ví dụ: phát hiện chữ "ông" thay cho chữ "tôi"; đối chiếu với câu Hoài Thanh nhắc Nguyễn Công Trứ
Tổng	12,0	

Một đoạn bài làm và lời phê

Dưới đây là một đoạn thân bài thuộc kiểu thường gặp khi chấm đề này. Các em đọc, tự tìm chỗ yếu trước khi xem lời phê.

> Nguyễn Công Trứ là người có cái tôi rất lớn. Ông tự hào kể ra những chức vụ mình đã làm như Thủ khoa, Tham tán, Tổng đốc. Ông còn có những hành động ngông cuồng như cưỡi bò vàng đeo đạc ngựa, lên chùa dẫn theo cô đầu. Câu thơ cuối "Đời ai ngất ngưởng như ông!" là lời khẳng định mạnh mẽ cái tôi cá nhân của tác giả. Như vậy, ngay từ thời trung đại đã có cái tôi cá nhân, và nhận định của Hoài Thanh là không hoàn toàn chính xác.

Lời phê:

- Quan sát đúng, nhưng dùng sai một chữ quan trọng: bài thơ không có chữ "tôi". Bạn đã gọi chữ "ông" là "cái tôi" mà không hề để ý cách xưng hô ấy.

- "Cô đầu" là bạn tự thêm. Sách giáo khoa chú thích "một đôi dì" là "các cô hầu". Phân tích phải bám chú thích, không tự đổi nghĩa.

- Đoạn văn bác Hoài Thanh mà chưa đọc lại câu của Hoài Thanh. Ông đã thừa nhận "Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện". Đoạn của bạn chỉ chứng minh người xưa có cá tính, điều Hoài Thanh không phủ nhận, rồi lại kết luận là ông sai.

- "Ngông cuồng" là chữ nặng, mang sắc thái chê. Chữ "ngất ngưởng" trong bài có cả phần tự hào, tự trào; nên dùng "phá cách", "khác người".

Viết lại:

Nguyễn Công Trứ nói về mình rất nhiều, nhưng không lần nào nói bằng chữ "tôi". Ông tự gọi mình là "Ông Hy Văn", rồi "ông", như đứng bên ngoài ngắm một nhân vật đang đi qua những chặng đời "Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông". Cái ngất ngưởng ấy luôn cần người xem: Bụt "nực cười", thiên hạ "khen chê", và câu kết "Đời ai ngất ngưởng như ông!" là lời tuyên bố về một vai đời trước thiên hạ. Đó là một cá tính lớn đang trình diễn mình, chứ không giãi bày mình. Hoài Thanh nói người xưa không dám dùng chữ "tôi" để nói chuyện với mình, "hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người". Nguyễn Công Trứ hướng lời ra cả đời, nhưng bằng chữ "ông" chứ không bằng chữ "tôi", bằng một vai chứ không bằng một nỗi riêng. Bài thơ vì thế không bác bỏ nhận định, mà giúp ta thấy rõ ranh giới nó vạch ra.

Đề mở rộng

- Hoài Thanh viết về thi nhân Thơ mới: "Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lý Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ." (tr.87) Từ "Bài ca ngất ngưởng" và một bài Thơ mới đã học, anh/chị hãy bàn về sự khác nhau giữa niềm tự tin của cái tôi trung đại và nỗi bơ vơ của cái tôi Thơ mới.

- Đặt "Bài ca ngất ngưởng" cạnh câu kết "Độc Tiểu Thanh kí" của Nguyễn Du: "Bất tri tam bách dư niên hậu,/ Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?" (Ngữ văn 11, tập hai, tr.17), nơi nhà thơ cũng tự gọi mình bằng tên tự "Tố Như" và hướng lời tới "thiên hạ". Nhận định của Hoài Thanh đứng vững tới đâu trước hai cách tự xưng này? (Gợi ý: chú ý chữ dùng để tự xưng, đối tượng nhà thơ hướng lời tới, và điều nhà thơ muốn được thấy: một vai đời hay một nỗi lòng.)

ĐỌC THỬ TẬP 2

Kĩ năng làm bài và đề tổng hợp

Trích Chương 11. Nghị luận văn học bàn về một nhận định: sáu bước từ đề đến bài

Đây là dạng câu chủ lực của đề thi học sinh giỏi Ngữ văn: câu 12,0 điểm yêu cầu làm sáng tỏ, bàn luận một nhận định lí luận văn học qua tác phẩm. Hai mươi lăm đề thực hành ở Tập 1 phần lớn thuộc dạng này; chương này rút từ chúng thành một quy trình.

Bảy điểm nằm ngoài phần phân tích

Nhìn lại barem câu nghị luận văn học:

Mục	Điểm
a. Cấu trúc	0,5
b. Xác định vấn đề	0,5
c1. Giải thích	1,0
c2. Cơ sở lí luận	1,5
c3. Phân tích, chứng minh	5,0
c4. Bàn luận, mở rộng	1,5
d. Chính tả, ngữ pháp	0,5
e. Sáng tạo	1,5
Tổng	12,0

Phần phân tích, chứng minh nặng nhất, 5,0 điểm. Nhưng **bảy điểm còn lại nằm ngoài nó**. Rất nhiều em giỏi phân tích tác phẩm mà vẫn chỉ được bảy, tám

điểm, vì giải thích lặp lại đề, cơ sở lí luận là một đoạn học thuộc, bàn luận một câu "ý kiến hoàn toàn đúng đắn". Chương này dành phần lớn cho bảy điểm ấy.

Bước 1. Đọc nhận định: tách vế, khoanh từ khóa

Trước khi viết một chữ, hãy chép nhận định ra giấy nháp và làm ba việc.

Tách vế. Nhận định dài thường có nhiều vế, mỗi vế là một luận điểm. Các em đã làm điều này nhiều lần ở Tập 1:

Đề	Nhận định	Các vế
3.2	Hoài Thanh: "Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh."	Mất bề rộng / đi tìm bề sâu / càng đi sâu càng lạnh
6.2	Nguyễn Huy Tưởng: "Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết. Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm."	Lí trí không phán xét được / trái tim thương cái tài
8.2	SGK về kí Hoàng Phủ Ngọc Tường	Tài hoa, lịch lãm / suy tư văn hóa, lịch sử / liên tưởng bất ngờ / kết nối nhiều văn bản

Khoanh từ khóa. Gạch chân những từ mang nghĩa lí luận và những hình ảnh ẩn dụ. Ở câu "Một tác phẩm hàm súc bao giờ cũng dành cho trí tưởng tượng của người xem một cánh cửa tự do hé mở" (Đề 4.3), từ khóa là "hàm súc", "cánh cửa", "hé mở", "bù đắp chủ quan". Chữ "hé mở" (không phải "mở toang") quyết định cả phần bàn luận về giới hạn của người đọc.

Xác định kiểu nhận định. Nhận định đang định nghĩa một khái niệm, nêu một chức năng, nêu yêu cầu với nhà văn, nói về người đọc, hay nhận xét một tác giả, một tác phẩm cụ thể? Bộ "Bồi dưỡng học sinh giỏi chuyên sâu" chia các nhận định lí luận thường gặp thành sáu chủ đề: đặc trưng văn học, chức năng văn học, nhà văn

và quá trình sáng tác, ngôn từ, thể loại, tiếp nhận. Biết nhận định thuộc chủ đề nào là biết phần cơ sở lí luận sẽ đi về đâu.

Lỗi cần tránh: bỏ sót một vế. Bài làm Đề 3.2 chỉ viết về "bề sâu" mà quên "càng đi sâu càng lạnh" sẽ biến lời Hoài Thanh thành một lời khen đơn thuần, trong khi ông đang nói về một bi kịch.

Bước 2. Giải thích: nói lại bằng lời khác, không lặp

Giải thích là trả lời câu hỏi: nhận định này nói gì? Ba nguyên tắc:

- **Không giải thích bằng cách lặp lại.** "Hàm súc là tác phẩm hàm súc" là không giải thích. "Hàm súc là lời ít mà ý nhiều, không nói hết, để lại khoảng lặng" là giải thích.

- **Với hình ảnh ẩn dụ, đi từ nghĩa đen sang nghĩa lí luận.** "Rường cột" (Đề 3.1) là phần chịu lực của ngôi nhà; trong thơ, đó là tứ thơ giữ cho mọi hình ảnh, nhịp điệu đứng được.

- **Kết bằng một câu chốt vấn đề**, nói gọn toàn bộ nhận định trong một câu của mình.

Một đoạn giải thích tốt dài khoảng mười câu. Dài hơn là đang lấy chỗ của phần chứng minh.

Bước 3. Cơ sở lí luận: vì sao nhận định đúng

Đây là phần học sinh viết yếu nhất, và cũng là chỗ phân biệt rõ nhất bài khá với bài giỏi. Cơ sở lí luận trả lời câu hỏi **vì sao**, không phải câu hỏi **ở đâu** (câu hỏi "ở đâu" là việc của phần chứng minh).

Bộ "Chìa khóa văn chương" gợi ý ba tầng để tìm lí do:

- **Tầng bản chất:** nhận định đúng vì phù hợp với nguồn gốc, đối tượng của văn học (văn học viết về con người, từ hiện thực đời sống...).

- **Tầng đặc trưng:** nhận định đúng vì phù hợp với cách văn học tồn tại (hình tượng, ngôn từ, thể loại, hư cấu...).

- **Tầng chức năng:** nhận định đúng vì phù hợp với mục đích văn học hướng tới (nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ, giao tiếp...).

Không cần đủ ba tầng. Chọn hai tầng gần nhất với từ khóa và viết sâu.

Ở lớp 11, các em có một nguồn cơ sở lí luận rất chắc mà nhiều bài bỏ phí: **phần Tri thức Ngữ văn của sách giáo khoa**. Đề về tứ thơ: dựa vào định nghĩa cấu tứ (tập một, tr.54). Đề về bi kịch: dựa vào định nghĩa xung đột (tr.126). Đề về tản văn: dựa vào định nghĩa tản văn (tập hai, tr.34). Dẫn đúng một câu Tri thức Ngữ văn, rồi giải thích vì sao nó soi sáng nhận định, là một đoạn cơ sở lí luận vững hơn mọi đoạn học thuộc.

Lỗi cần tránh: viết một đoạn cơ sở lí luận dùng được cho mọi đề ("Văn học bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống... Nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại..."). Đoạn văn nào đọc lên mà có thể bê nguyên sang đề khác, đoạn ấy không được tính là cơ sở lí luận của đề này.

Đề tổng hợp 2. Đọc gì giữa dòng trôi, và một người chờ được kể qua mắt người khác

Đề bài

Thời gian làm bài: 180 phút

Câu 1 (8,0 điểm)

Bàn về văn hóa đọc của người trẻ, một nhà nghiên cứu chia sẻ:

> Văn hóa đọc trong giới trẻ hiện nay đang đứng trước một sự chuyển đổi lớn. Tôi không nghĩ người trẻ đang "bỏ đọc". Điều tôi quan tâm là người trẻ đang đọc gì. Theo quan sát của tôi, việc đọc của giới trẻ ngày hôm nay bị chi phối rất nhiều bởi các yếu tố bên ngoài, mà không phải là sự thúc giục nội tại từ bên trong - đây là điểm khác biệt giữa họ với thế hệ trước. Thuật toán và môi trường truyền thông số đang tác động trực tiếp, dẫn dắt việc đọc của thanh thiếu niên. Các nội dung được tiêu thụ thường rất nông về kiến thức, vụn vặt, thiếu chiều sâu và tính hệ thống. Người đọc liên tục bị trôi trong dòng thông tin, có thể đang từ nội dung này nhảy sang nội dung khác không liên quan, không kết nối, không phân tích hay chiêm nghiệm.
>
> *(TS Phạm Thị Xuân Nga, Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; dẫn theo Bình Nguyên Trang, "Định hình văn hóa đọc cho giới trẻ thời công nghệ", Báo Nhân Dân điện tử, ngày 24/8/2026, https://nhandan.vn/dinh-hinh-van-hoa-doc-cho-gioi-tre-thoi-cong-nghe-post984073.html)*

Anh/chị có đồng tình rằng câu hỏi quan trọng hôm nay không còn là người trẻ có đọc hay không, mà là đọc gì và đọc như thế nào? Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của mình.

Câu 2 (12,0 điểm)

Bàn về điểm nhìn trong truyện kể, sách Ngữ văn 11 viết:

"Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật." (Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.10)

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến qua đoạn trích dưới đây.

Lời dẫn: Truyện ngắn "Những đêm không ngủ" của Trịnh Hòa Bình gồm bảy phần, mỗi phần được kể từ một điểm nhìn khác nhau. Truyện kể về Vân, một cô gái Hà Nội. Phần 1 tả Vân ở một ga xép tiễn người yêu là Minh ra mặt trận, và khép lại bằng những ý nghĩ của cô: "Nhưng anh sẽ về. Cô tin thế. Và anh cũng tin thế. Rồi họ sẽ bên nhau. Ngôi nhà của họ sẽ tràn ngập tiếng cười, tràn ngập tình yêu. Cô sẽ cắm vào bình hoa những bông hồng mỗi sớm mai. Sẽ có tiếng trẻ bi bô." Các phần sau, lần lượt qua lời người mẹ của Minh, lời những người lính từng chiến đấu cùng Minh và lời "tôi, người viết truyện này", cho biết Minh đã hi sinh trong Thành cổ; gần năm mươi năm, Vân vẫn ở vậy. Đoạn trích dưới đây là toàn bộ phần 2: người hàng xóm của Vân kể chuyện với một người khách.

Em là hàng xóm của cô ấy. Bác hỏi gì cơ ạ? À vâng. Cũng lâu lâu rồi. Gần bốn chục năm bác ạ, từ ngày em về làm dâu ở phố này. Cháu lớn nhà em cũng gần bốn mươi, em lên chức bà nội được chục năm. Đấy, thằng cháu đích tôn nhà em đi học về kia kìa. Chào ông đi con. Hôm nay học hành thế nào? Được mấy điểm? Thế cơ á. Ừ thôi, về tắm rửa rồi ăn cơm. Bác xơi thêm chén nước. Nước em mới hãm để bán tối. Vâng. Em về hưu mấy năm nay. Mở cái quán kiếm thêm tí dưa cà cho các cháu. Cũng được ạ. Vâng. Thường tối cô ấy về muộn lắm, nhẽ phải chín, mười giờ. Dạy thêm ạ. Cô ấy cũng hưu lâu rồi. Là dạy thêm cho mấy lớp tình thương, chứ chả tiền nong gì. Lại còn bỏ tiền túi mua vở cho bọn trẻ. Sách thì đi xin các nơi. Cũng có mấy nhà hảo tâm đỡ cô ấy. Đoàn thanh niên nữa. Cả mặt trận tổ quốc, phụ nữ phường. Họ cũng quan tâm. Vâng. Cô ấy vẫn ở thế. Một mình. Bố mẹ cô ấy mất cũng lâu rồi. Nhà cô ấy có hai chị em. Cô ấy là út. Cô chị lấy chồng, giờ định cư bên Úc, lâu lâu mới về. Cho cả bọn trẻ con, cháu chắt về. Cô ấy quý lũ cháu lắm. Lũ cháu về, cô ấy trẻ hẳn ra. Nhưng được

dăm hôm, lũ trẻ lại đi. Cô ấy buồn, lặng lẽ như một cái bóng, nhiều ngày. Em cũng xót, nhưng chả biết nói gì. Những ngày như thế, cô ấy bắc cái ghế ngồi ở ban công, chỗ kia kìa bác. Chả đèn đóm gì. À. Cũng có đấy ạ. Cũng có lần em nghe được cô chị bảo cô ấy sang Úc, cho có chị có em. Sang hẳn ý. Rồi kiếm cho cậu bạn. Người Việt. Hoặc người Úc. Bên ấy đầy. Nhưng mà cô ấy chẳng chịu. Cô ấy bảo: "Em đi, rồi anh ấy về, anh ấy không tìm được." Vâng. Cái nhà của bố mẹ để lại cho cô ấy, người ta trả mấy chục tỷ, cô ấy cũng quyết không bán. Cô ấy bảo: "Anh ấy sẽ về. Nhất định thế. Tôi tin thế. Và anh ấy cũng tin thế." Rồi cô ấy ở lại, không đi đâu cả. Ngôi nhà, mỗi lần sơn sửa lại, cô ấy đều yêu cầu thợ phải làm y như cũ, nguyên vẹn, không làm mới, làm khác đi. Cả cái cánh cổng gỗ, lâu ngày mưa gió, cô ấy cũng chỉ cho sửa lại chứ không thay. Nhiều thứ nữa ạ, em thấy vẫn y như ngày xưa. Có lần em sang nhà, cô ấy nhờ em việc gì đó, lâu quá em quên rồi. Em thấy trên gác có cây đàn dương cầm. À vâng, Piano ấy ạ. Cây đàn cũ được phủ một cái khăn to cho khỏi bụi. Bên trên, có một lọ thủy tinh, cắm một bông hoa hồng. Một bông thôi ạ. Lúc ấy là buổi chiều. Một tia nắng lọt qua khe cửa, vô tình rọi đúng bông hoa làm nó hồng rực lên, đầy sức sống. Nhưng em vẫn thấy thâm nghiêm, trầm mặc sao đó. Cũng hơi sờ sợ nữa. Em định hỏi, nhà có cây đàn sao chả bao giờ nghe tiếng ai đó chơi. Sau, em lại thôi. Hỏi thế, tọc mạch quá, bác nhỉ. À vâng. Bác tinh thế. Dạ lan hương ạ. Cô ấy trồng đấy, trên cái ban công tầng hai. Dạ lan hương, với hoa hồng. Bông hồng mà cô ấy cắm chỗ cây đàn dương cầm cũng được hái ở đấy. Chỉ có hai loại hoa ấy. Cũng lâu rồi ạ. Em chả nhớ khi nào, lúc thấy hương thơm mới biết. Đêm đêm, cô ấy thức rất khuya. Cô ấy mang một chiếc ghế tựa ra ban công, ngồi yên lặng ở đó. Em biết, vì lúc chưa nghỉ hưu em vẫn phải đi ca. Thường ca đêm, phải một, hai giờ sáng mới về đến nhà. Em nhìn thấy cô ấy ngồi đó, bóng cô ấy in trên nền trời, im lìm trong ánh trăng xuông. Hôm khác, hai, ba giờ sáng vẫn thấy cô ấy chong đèn, viết lách gì đó. Bóng cô ấy nghiêng nghiêng in trên tấm ri-đô cửa sổ. Có tắt đèn thì lại mở nhạc. Khe khẽ thôi. Mở đĩa hát ý, không phải là đánh đàn dương cầm ạ. Nhà em ở cạnh em biết. Toàn nhạc buồn. Không lời. Em nghe nhiều đâm thuộc. Có đêm cô ấy không mở nhạc, lại nhớ, trằn trọc khó ngủ như

thấy thiếu cái gì ấy. Có tối về sớm, cô ấy cũng ra quán nhà em. Trời rét, gió bấc thổi ù ù. Áp chén chè nóng trong hai tay, cô ấy nhẩn nha từng ngụm một, mắt thì lơ đãng nhìn xe qua lại. Cũng chả nói gì ạ. Cô ấy kín đáo. Thâm trầm. Không phải lạnh lùng ạ. Cô ấy đẹp, khuôn mặt thanh tú, vai xuôi, người nhỏ nhắn. Nhưng ít nói. Ngày em về làm dâu ở đây, đã thấy thế. Có vài anh, đâu như học bên Đức về, đến chơi. Lâu rồi, đận chưa đánh Tàu. Cô ấy cũng ít tiếp. Ngày ấy, bố mẹ cô ấy còn sống, toàn phải tiếp khách hộ con gái, còn cô ấy kiếm cớ soạn bài, trốn lên gác. Ít nói thôi. Chả bao giờ thấy cô ấy cười. À, cũng có. Cái đận thằng bé đích tôn nhà em đầy tháng, thằng bé lúc nãy đi học về đấy ạ. Nhà em làm mâm cơm, có mời cô ấy. Cô ấy sang, mang cho cháu mấy bộ sơ sinh màu hồng, đẹp lắm. Cháu mặc vừa in. Lại cả một bó hoa hồng to nữa. Hôm ấy, cô ấy nói cười, mắt cũng cười, lại uống chén vang với nhà em nữa. Vâng. Em nhớ mãi. Chưa bao giờ em thấy cô ấy vui như thế…

(Trích phần 2, truyện ngắn "Những đêm không ngủ" của Trịnh Hòa Bình, Báo Văn nghệ số 42/2026, đăng ngày 23/10/2026, https://baovannghe.vn/nhung-dem-khong-ngu-truyen-ngan-cua-trinh-hoa-binh-29945.html)

Chú thích: **hãm** (nước): pha nước chè bằng nước sôi và ủ cho ngấm. **Lớp tình thương**: lớp học miễn phí dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. **Trăng xuông**: trăng mờ, không tỏ. **Ri-đô**: rèm cửa (phiên âm từ tiếng Pháp). **Đận**: dạo, khoảng thời gian (khẩu ngữ); "đận chưa đánh Tàu" chỉ thời gian trước cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979.

Trong bộ sách đầy đủ, Câu 1 của đề này có phần đọc đề, định hướng ý, biểu điểm và đoạn văn mẫu. Bản đọc thử giới thiệu trọn vẹn phần hướng dẫn Câu 2.

Câu 2. Những chỗ dễ trượt

Đoạn trích dài, viết liền một khối, lời kể như nói chuyện ngoài đời. Học sinh thường trượt ở ba chỗ.

Trượt thứ nhất: phân tích nhân vật Vân, quên người kể. Đề hỏi về điểm nhìn. Nhân vật trung tâm của câu hỏi không phải Vân, mà là người hàng xóm: bà ấy là ai, đứng ở đâu, thấy được gì, không thấy được gì, và vì sao bà ấy thấy như thế.

Trượt thứ hai: chỉ nói "điểm nhìn bên ngoài" rồi dừng. Gọi tên đúng loại điểm nhìn mới được một nửa. Nhận định nói điểm nhìn "mang tính tâm lí, tư tưởng", gắn với "hoàn cảnh, trải nghiệm". Phải chỉ ra được: tâm lí của người kể (tò mò mà tế nhị, thương mà không biết nói gì), hệ giá trị của người kể (đo hạnh phúc bằng con cháu, đo giá trị ngôi nhà bằng "mấy chục tỷ"), trải nghiệm của người kể (đi ca đêm nên thấy Vân ngồi ban công lúc một, hai giờ sáng; ở sát vách nên thuộc cả những bản nhạc).

Trượt thứ ba: không dùng lời dẫn. Lời dẫn cho các em biết điều mà người kể không biết: Minh đã hi sinh, và giấc mơ của Vân ở phần 1 có "những bông hồng mỗi sớm mai", có "tiếng trẻ bi bô". Đặt cạnh lời dẫn, những chi tiết người hàng xóm kể lại vô tình (bông hồng trên cây đàn, bộ đồ sơ sinh, bó hoa hồng mang sang mừng đầy tháng) bỗng có nghĩa mà chính người kể không hiểu. Đó là chỗ phân hóa của đề.

Câu 2. Dàn ý đáp án

1. Giải thích (1,0 điểm)

- Điểm nhìn: "vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá" (sách giáo khoa, tr.10).

- "Mang tính tâm lí, tư tưởng": điểm nhìn không chỉ là chỗ đứng trong không gian, thời gian, mà còn là tâm thế, cách nghĩ, hệ giá trị của người nhìn. Cùng một sự việc, người khác nhau thấy khác nhau.

- "Gắn liền với vai kể... hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật": ai kể và người ấy đã sống thế nào quyết định điều được kể ra.

- Khái quát: điểm nhìn là một lăng kính; đọc truyện là đọc cả sự việc và lăng kính.

2. Cơ sở lí luận (1,5 điểm)

- Sách giáo khoa phân loại điểm nhìn: của người kể chuyện và của nhân vật; bên ngoài ("miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết") và bên trong; không gian và thời gian (tr.10).

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất là một con người cụ thể, có giới hạn hiểu biết, có tính cách, có định kiến. Chính những giới hạn ấy là chất liệu nghệ thuật: nhà văn dùng chúng để giấu, để hé lộ, để tạo khoảng trống cho người đọc.

- Khi người đọc biết nhiều hơn người kể, câu chuyện có thêm một tầng nghĩa mà người kể không nhìn thấy.

3. Phân tích, chứng minh (5,0 điểm)

Luận điểm 1. Vai kể: một người hàng xóm, một điểm nhìn bên ngoài có giới hạn.

- Người kể là phụ nữ "về làm dâu ở phố này" gần bốn chục năm, đã về hưu, mở quán nước. Bà chỉ thấy Vân từ bên ngoài: giờ giấc ("tối cô ấy về muộn lắm"), việc làm (dạy lớp tình thương), cử chỉ (ngồi ban công, áp chén chè nóng trong hai tay).

- Bà không biết lí do. Trong cả đoạn trích, người hàng xóm không nhắc đến Minh một lần. Bà chỉ chép lại lời Vân: "Em đi, rồi anh ấy về, anh ấy không tìm được."; "Anh ấy sẽ về. Nhất định thế. Tôi tin thế. Và anh ấy cũng tin thế." mà không giải thích "anh ấy" là ai.

- Tác dụng: nỗi đau của Vân không được kể ra, chỉ lộ qua dấu vết. Càng ít được nói, nó càng nặng.

Luận điểm 2. Tâm lí, hệ giá trị của người kể in dấu lên mọi điều được kể.

- Bà đo cuộc sống bằng con cháu: mở đầu bằng "lên chức bà nội", ngắt lời để hỏi cháu "Được mấy điểm?". Với bà, nỗi buồn của Vân là nỗi buồn vì vắng con cháu: "Lũ cháu về, cô ấy trẻ hẳn ra".

- Bà đo giá trị bằng những thước đo thực tế: ngôi nhà "người ta trả mấy chục tỷ"; lớp tình thương "chả tiền nong gì"; giải pháp cho sự cô đơn là "kiếm cho cậu bạn. Người Việt. Hoặc người Úc. Bên ấy đầy."

- Bà tò mò mà tế nhị: thấy cây đàn không ai chơi, định hỏi rồi thôi: "Hỏi thế, tọc mạch quá, bác nhỉ." Bà thương mà bất lực: "Em cũng xót, nhưng chả biết nói gì."

- Tác dụng: khoảng cách giữa hệ giá trị của người kể và thế giới của Vân làm Vân hiện lên như một bí ẩn ("thâm nghiêm, trầm mặc", "hơi sờ sợ"), đồng thời làm nổi bật sự khác thường của lòng chung thủy ấy giữa đời sống thường ngày.

Luận điểm 3. Hoàn cảnh, trải nghiệm quyết định điều người kể nhìn thấy.

- Đi ca đêm, "một, hai giờ sáng mới về đến nhà", nên bà thấy cái bóng Vân "in trên nền trời, im lìm trong ánh trăng xuông". Ở sát vách nên bà nghe nhạc "nhiều đâm thuộc", đêm nào Vân không mở nhạc thì bà "trằn trọc khó ngủ". Một lần sang nhà nên bà thấy cây đàn phủ khăn và bông hồng.

- Lời kể khẩu ngữ, độc thoại với một người nghe vắng mặt (lời của "bác" bị lược, chỉ lộ qua "Bác hỏi gì cơ ạ?", "Bác tinh thế"), câu ngắn, xen "Vâng", "À": đúng giọng một người đàn bà kể chuyện bên quán nước.

Luận điểm 4. Người đọc biết nhiều hơn người kể: những chi tiết vô tình mà đầy nghĩa.

- Bông hồng trên cây đàn, giàn hoa hồng và dạ lan hương trên ban công: người kể chỉ thấy đẹp và "sờ sợ"; người đọc nhớ lời hứa "những bông hồng mỗi sớm mai" ở phần 1.

- Lần duy nhất Vân cười: ngày đầy tháng cháu nội của người hàng xóm, cô mang sang "mấy bộ sơ sinh màu hồng" và "một bó hoa hồng to". Người kể chỉ nhớ "Chưa bao giờ em thấy cô ấy vui như thế…". Người đọc hiểu: Vân đang chúc mừng một đứa trẻ, như chúc mừng "tiếng trẻ bi bô" mà cô đã mơ và không bao giờ có.

- Ngôi nhà sửa "y như cũ", cánh cổng gỗ "chỉ cho sửa lại chứ không thay": người kể thấy lạ; người đọc hiểu cô giữ ngôi nhà để "anh ấy về" còn nhận ra.

- Tác dụng: điểm nhìn hạn tri tạo ra sự chênh lệch hiểu biết giữa người kể và người đọc, khiến người đọc tự hoàn tất nỗi đau. Đây là chỗ điểm nhìn "mang tính tâm lí, tư tưởng" trở thành nghệ thuật.

4. Bàn luận, mở rộng (1,5 điểm)

- Nhận định đúng và cần thiết: nó nhắc người đọc rằng không có điểm nhìn "trong suốt". Đọc lời người hàng xóm mà không thấy lăng kính của bà thì sẽ hiểu sai Vân.

- Bổ sung: điểm nhìn của một người kể bao giờ cũng có giới hạn. Vì vậy tác giả dựng truyện bằng bảy phần, bảy điểm nhìn. Sách giáo khoa gọi đó là tính đối thoại: câu chuyện kể "từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau" đặt người đọc "vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá" (tr.10). Đoạn trích là một mảnh trong bức ghép ấy.

- Bài học: khi đọc truyện ngôi thứ nhất, hỏi "người này là ai, họ không biết điều gì?"; khi viết, có thể kể nỗi đau lớn qua một người đứng ngoài để giữ cho nó không bị nói to.

Câu 2. Hướng dẫn chấm

Mục	Nội dung	Điểm
a	Cấu trúc bài nghị luận	0,5
b	Xác định đúng vấn đề: tính tâm lí, tư tưởng của điểm nhìn, qua người kể là người hàng xóm	0,5
c1	Giải thích	1,0
c2	Cơ sở lí luận	1,5

Mục	Nội dung	Điểm
c3	Phân tích: vai kể và giới hạn; tâm lí, hệ giá trị của người kể; hoàn cảnh, trải nghiệm; chênh lệch hiểu biết giữa người kể và người đọc	5,0
c4	Bàn luận, mở rộng	1,5
d	Chính tả, ngữ pháp	0,5
e	Sáng tạo	1,5

Chấm theo mức ở mục c3:

- 4,25 đến 5,0 điểm: đủ bốn luận điểm; phát hiện được ít nhất hai chi tiết mà người kể kể vô tình nhưng người đọc hiểu khác (bông hồng, bộ đồ sơ sinh, ngôi nhà sửa y như cũ); trích dẫn chính xác.

- 3,0 đến 4,0 điểm: phân tích tốt vai kể và tâm lí người kể, nhưng chưa khai thác sự chênh lệch hiểu biết, hoặc khai thác mà không dựa vào lời dẫn.

- 1,5 đến 2,75 điểm: chủ yếu phân tích nhân vật Vân, nhắc điểm nhìn ở mức gọi tên.

- Dưới 1,5 điểm: kể lại đoạn trích.

Câu 2. Bài viết tham khảo

Cùng một ngôi nhà, một người đi qua thấy cánh cổng gỗ cũ cần thay; một người khác biết vì sao chủ nhà nhất quyết không thay. Cái ta thấy phụ thuộc vào chỗ ta đứng, và vào chính con người ta. Sách Ngữ văn 11 nói điều ấy bằng ngôn ngữ lí luận: "Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật." Phần 2 truyện ngắn "Những đêm không ngủ" của Trịnh Hòa Bình (Báo Văn nghệ số 42/2026) là một minh chứng gần như trọn vẹn: một người đàn bà chờ người yêu gần năm mươi năm được kể lại qua mắt bà hàng xóm, người không biết vì sao cô ấy chờ.

Ý kiến của sách giáo khoa mở rộng khái niệm điểm nhìn ra ngoài nghĩa vị trí. Sách định nghĩa điểm nhìn là "vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá". Nhưng vị trí ấy không chỉ là chỗ đứng trong không gian hay thời gian. Nó còn "mang tính tâm lí, tư tưởng": tâm thế, cách nghĩ, hệ giá trị của người nhìn. Và nó "gắn liền với vai kể", tức người kể là ai, cùng "hoàn cảnh, trải nghiệm" của người ấy. Nói gọn, điểm nhìn là một lăng kính. Đọc truyện là đọc cả điều được kể lẫn lăng kính đã lọc nó.

Nhận định ấy có cơ sở trong chính bản chất của người kể chuyện. Sách giáo khoa phân biệt điểm nhìn bên ngoài, vốn "miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết", với điểm nhìn bên trong, "kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật". Khi người kể là một nhân vật xưng "tôi" hay "em", người ấy mang theo giới hạn hiểu biết, tính cách, cả định kiến của mình. Nhà văn giỏi không coi những giới hạn ấy là khuyết điểm. Họ dùng chúng để giấu đi một phần sự thật, để người đọc tự tìm ra. Khi người đọc biết nhiều hơn người kể, truyện có thêm một tầng nghĩa mà người kể không nhìn thấy.

Trong đoạn trích, vai kể được chọn rất có chủ ý: một người hàng xóm, chỉ nhìn được Vân từ bên ngoài. Bà "về làm dâu ở phố này" gần bốn chục năm, nay về hưu, mở quán nước. Bà biết giờ giấc của Vân ("tối cô ấy về muộn lắm"), biết việc Vân làm ("dạy thêm cho mấy lớp tình thương"), nhớ dáng Vân "áp chén chè nóng trong hai tay". Nhưng bà không biết lí do. Điều đáng chú ý nhất là trong suốt hơn một nghìn chữ, người hàng xóm không nhắc đến Minh một lần. Bà chỉ chép lại lời Vân, "Em đi, rồi anh ấy về, anh ấy không tìm được.", "Anh ấy sẽ về. Nhất định thế. Tôi tin thế. Và anh ấy cũng tin thế.", mà không giải thích "anh ấy" là ai. Nỗi đau lớn nhất của truyện, vì thế, không được kể ra. Nó chỉ hiện lên qua dấu vết, và càng ít được nói, nó càng nặng.

Điểm nhìn của người hàng xóm còn mang rõ tâm lí và hệ giá trị của bà. Bà bắt đầu câu chuyện bằng việc mình "lên chức bà nội", đang kể thì ngắt lời để hỏi cháu "Được mấy điểm?". Với bà, hạnh phúc là con cháu quây quần, nên bà hiểu nỗi buồn của Vân là nỗi buồn vắng cháu: "Lũ cháu về, cô ấy trẻ hẳn ra." Bà đo mọi thứ

bằng những thước đo thực tế: ngôi nhà "người ta trả mấy chục tỷ", lớp học "chả tiền nong gì", và lời giải cho sự cô đơn là "kiếm cho cậu bạn. Người Việt. Hoặc người Úc. Bên ấy đầy." Những câu ấy không đáng trách; đó là lẽ thường của đời sống. Nhưng chính vì người kể đứng trong lẽ thường, Vân hiện lên như một điều khác thường: "thâm nghiêm, trầm mặc", khiến bà "hơi sờ sợ". Bà cũng là người tế nhị và tốt bụng. Thấy cây đàn chẳng ai chơi, bà định hỏi rồi thôi: "Hỏi thế, tọc mạch quá, bác nhỉ." Thấy Vân buồn, bà "cũng xót, nhưng chả biết nói gì". Sự tế nhị ấy giữ cho nỗi đau của Vân không bị chạm vào. Người kể không hiểu, nhưng tôn trọng điều mình không hiểu.

Hoàn cảnh và trải nghiệm của người kể quyết định bà thấy được những gì. Bà thấy Vân ngồi ban công lúc nửa đêm vì bà đi ca đêm, "một, hai giờ sáng mới về đến nhà". Từ con đường về muộn ấy, bà thấy bóng Vân "in trên nền trời, im lìm trong ánh trăng xuông". Bà thuộc những bản nhạc buồn không lời vì nhà bà ở sát vách, đến mức đêm nào Vân không mở nhạc thì bà "trằn trọc khó ngủ như thấy thiếu cái gì ấy". Bà thấy cây đàn dương cầm phủ khăn và bông hồng trong lọ thủy tinh vì một lần duy nhất sang nhà nhờ việc. Lời kể cũng in dấu con người bà: câu ngắn, khẩu ngữ, xen "Vâng", "À", "bác ạ"; người nghe là "bác" không bao giờ lên tiếng, chỉ lộ ra qua câu đáp "Bác hỏi gì cơ ạ?", "Bác tinh thế". Ta như đang ngồi ở quán nước ấy, nghe chuyện một người hàng xóm.

Chỗ đặc sắc nhất của đoạn trích nằm ở sự chênh lệch giữa điều người kể biết và điều người đọc biết. Lời dẫn cho ta biết Minh đã hi sinh, và giấc mơ của Vân ở sân ga có "những bông hồng mỗi sớm mai", có "tiếng trẻ bi bô". Người hàng xóm không biết điều đó. Vì vậy, bà kể về bông hồng trên cây đàn như một chi tiết đẹp mà hơi rợn, còn người đọc thấy một lời hứa vẫn được giữ mỗi ngày. Bà kể ngôi nhà được sửa "y như cũ", cánh cổng gỗ "chỉ cho sửa lại chứ không thay", như một thói quen lạ; người đọc hiểu Vân giữ ngôi nhà để người về còn nhận ra. Và bà kể lần duy nhất thấy Vân cười: ngày đầy tháng đứa cháu nội, Vân mang sang "mấy bộ sơ sinh màu hồng" và "một bó hoa hồng to", uống "chén vang", "mắt cũng cười". Người kể chỉ nhớ: "Chưa bao giờ em thấy cô ấy vui như thế…". Người đọc thì hiểu:

Vân đang mừng cho một đứa trẻ, như mừng cho "tiếng trẻ bi bô" mà cô đã mơ và không bao giờ có. Niềm vui ấy, đặt trong lăng kính của người hàng xóm, chỉ là một kỉ niệm vui; đặt trong hiểu biết của người đọc, nó là chỗ đau nhất của cả đoạn văn. Đây chính là khi điểm nhìn "mang tính tâm lí, tư tưởng" trở thành nghệ thuật: tác giả không cần nói, chỉ cần chọn đúng người kể.

Nhận định của sách giáo khoa, vì thế, không chỉ đúng mà còn là một lời nhắc cho người đọc. Không có điểm nhìn nào trong suốt. Đọc lời người hàng xóm mà không thấy lăng kính của bà, ta sẽ nghĩ Vân chỉ là một bà giáo về hưu cô đơn, lập dị. Cũng cần bổ sung: điểm nhìn của một người kể bao giờ cũng có giới hạn, và chính tác giả biết điều đó. "Những đêm không ngủ" được dựng bằng bảy phần, mỗi phần một điểm nhìn: người hàng xóm, người mẹ, những đồng đội, người viết truyện. Sách giáo khoa gọi đó là tính đối thoại của tác phẩm, khi câu chuyện được kể "từ nhiều điểm nhìn" và người đọc được đặt "vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá". Phần 2 là một mảnh trong bức ghép ấy; nó có sức nặng vì nó không biết hết.

Người hàng xóm kết thúc câu chuyện bằng một kỉ niệm vui. Người đọc gấp trang lại với một nỗi buồn. Khoảng cách giữa hai cảm xúc ấy là khoảng cách giữa hai điểm nhìn, và là nơi truyện ngắn của Trịnh Hòa Bình thật sự cất lời.

Câu 2. Sai lầm hay gặp

- Viết "người kể theo ngôi thứ ba" vì người hàng xóm gọi Vân là "cô ấy". Người kể xưng "em", là ngôi thứ nhất; "cô ấy" là cách người kể gọi nhân vật được kể.

- Suy diễn những điều đoạn trích không nói: Vân "không bao giờ biết tin Minh hi sinh", hay "người khách là đồng đội của Minh". Chỉ dùng những gì đoạn trích và lời dẫn cung cấp.

- Phê phán người hàng xóm "thực dụng, vô cảm". Người kể có hệ giá trị khác Vân, nhưng tế nhị và có lòng thương. Hiểu người kể công bằng là một phần của việc hiểu điểm nhìn.

Trích Phụ lục

Ngân hàng nhận định (trích Chương 4 và các câu cần thận trọng)

Phụ lục này gom lại những nhận định đã dùng trong hai tập, xếp theo chương. Mỗi nhận định ghi rõ xuất xứ và mức chắc chắn của câu chữ. Quy ước:

- **Nguyên văn:** đã đối chiếu với sách giáo khoa, sách giáo viên hoặc bản in có xuất xứ; đặt trong ngoặc kép được.

- **Theo bản dẫn:** câu chữ theo một nguồn dẫn lại có uy tín; nên ghi "theo..." khi trích.

- **Diễn ý:** chỉ được nói lại ý, không đặt trong ngoặc kép như lời trích.

Những câu lấy thẳng từ sách giáo khoa là chắc chắn nhất. Khi đi thi, nếu chưa thuộc chính xác một nhận định của nhà nghiên cứu, các em dùng lời sách giáo khoa vẫn an toàn hơn.

Chương 4. Văn nghị luận

- **Sách giáo khoa (nguyên văn):** "Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,... Các thành tố đó được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất." (tập một, tr.75)

- **Hoài Thanh (nguyên văn):** "[...] muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy." (tr.85); "Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi." (tr.86)

- **Thái Bá Vân (nguyên văn):** "Một tác phẩm hàm súc bao giờ cũng dành cho trí tưởng tượng của người xem một cánh cửa tự do hé mở, chờ đợi ở người xem sự bù đắp chủ quan." ("Tiếp xúc với nghệ thuật", 1998; SGK tr.100). Viết về hội họa.

- **Nguyễn Khải (chỉ trích một cụm):** giá trị tác phẩm nghệ thuật ở tư tưởng, nhưng là "tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm" (theo đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1999). Các bản chép phần còn lại không thống nhất.

Những câu lưu hành rộng, cần thận trọng

Các câu dưới đây rất hay gặp trong tài liệu ôn thi, nhưng sách này chưa tìm được bản in để đối chiếu nguyên văn, hoặc có nhiều dị bản. Nếu dùng, chỉ diễn ý và nói rõ "có ý kiến cho rằng".

- "Văn học là nhân học": dùng được như một mệnh đề quen thuộc của lí luận, nhưng không nên gán cho một tác giả cụ thể rồi đặt trong ngoặc kép như lời trích.

- Nhận định của Phạm Văn Đồng về "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" (trong bài viết về Nguyễn Đình Chiểu): lưu hành với nhiều câu chữ khác nhau.

- Phần còn lại của câu Nguyễn Khải ngoài cụm "tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm": các bản chép lệch nhau vài chữ.

- Lời Mộng Liên Đường về Nguyễn Du: sách giáo khoa và sách giáo viên chép khác nhau; dùng bản sách giáo khoa.

Bảng lỗi thường gặp

Lỗi	Biểu hiện	Cách sửa
Trích sai chữ	"Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi" (thiếu "đã"); "khất Tố Như" (đúng là "khấp")	Học thuộc từ sách giáo khoa; câu nào không chắc thì diễn ý
Bỏ sót vế nhận định	Chỉ phân tích "bề sâu", quên "càng đi sâu càng lạnh"	Tách vế ở giấy nháp trước khi viết
Giải thích bằng cách lặp lại	"Hàm súc là tác phẩm hàm súc"	Nói lại bằng lời khác, đi từ hình ảnh sang nghĩa lí luận
Cơ sở lí luận học thuộc	Một đoạn dùng được cho mọi đề	Dựa vào Tri thức Ngữ văn của đúng thể loại; chọn hai tầng

Lỗi	Biểu hiện	Cách sửa
Phân tích không có hướng	Phân tích theo khổ, theo cốt truyện	Mỗi đoạn mở bằng câu luận điểm có từ khóa, kết bằng câu quay về đề
Chỉ phân tích nội dung	Bỏ qua hình thức khi đề hỏi về cấu tứ, điểm nhìn	Tìm chi tiết hình thức: chữ, nhịp, điểm nhìn, cấu trúc
Bịa thêm chi tiết	Kể tiểu sử nhân vật kí, nguyên nhân cái chết mà văn bản không nói	Văn bản không nói thì bài làm không nói
Liên hệ không có ngữ liệu	Nhắc tên tác phẩm khác mà không dẫn câu chữ	Liên hệ phải kèm trích dẫn
Đọc thơ chữ Hán qua bản dịch thơ	Khen chữ của người dịch như chữ của tác giả (“uốn éo” trong “Dương phụ hành”)	Phân tích theo phiên âm, dịch nghĩa
Dẫn chứng bịa trong nghị luận xã hội	“Theo một thống kê...”, “Một bạn học sinh...”	Dùng dẫn chứng có nguồn; không chắc số thì không đưa số
Phản đề quy chụp	“Một bộ phận giới trẻ ích kỉ, đáng phê phán”	Nêu ý kiến trái chiều có lí, thừa nhận phần đúng, chỉ giới hạn
Bài học khẩu hiệu	“Mỗi chúng ta hãy...”	Bài học cụ thể đến mức biết ngày mai làm gì
So sánh dán hai bài	Phân tích A, phân tích B, so sánh một đoạn cuối	Tổ chức song hành theo tiêu chí; luôn lí giải khác biệt

Bộ sách đầy đủ

Bản đọc thử gồm phần giới thiệu và một số trang trích. Bộ sách đầy đủ gồm hai tập, tổng cộng 423 trang khổ A4: Tập 1 có tám chương lí luận với 25 đề thực hành trọn vẹn; Tập 2 có bốn chương kĩ năng, tám bài tập Cấp 1, bốn đề tổng hợp thang 20 và sáu phụ lục.

Thầy cô và các em cần trọn bộ hai tập, xin liên hệ:

- Trang Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn: facebook.com/Nguvantrunghoc

- Zalo: 0328 961 617